

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHỢ GẠOĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Bình

Ông Nguyễn Hoa Kiều

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Đăng, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2025 và số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Trung Nhã T**, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Lý N**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Trung N1 trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/02/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hoà hợp, hai bên đã nhiều lần hoà giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Lý Bích T1, sinh ngày 22/10/2013 và Trần Lý Bảo N2, sinh ngày 08/05/2017. Hiện hai cháu đang sống với bà ngoại tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N2, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Lý N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Anh N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày, không nghiêm trọng, vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm. Anh N còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Lý Bích T1, sinh ngày 22/10/2013 và Trần Lý Bảo N2, sinh ngày 08/05/2017. Hiện hai cháu đang sống với bà ngoại của hai cháu tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Các cháu hiện đã nhập học tại tỉnh Sóc Trăng. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N2, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N đồng ý giao cháu T1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị T cho rằng, sau khi cưới, chị T và anh N sống chung với gia đình anh N tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên các con cũng được sinh ra, lớn lên và đi học tại đây. Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không hàn gắn được nên từ đầu năm học 2024 - 2025, chị T đã chuyển trường cho 02 con về nhập học ở quê hương của chị tại tỉnh Sóc Trăng, anh N không có ý kiến gì. Hiện hai cháu đang sống với cha mẹ của chị T tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, hiện các con phát triển tốt, việc học của các con đã ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Trung Nhã T. Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh N; Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Lý Bích T1, sinh ngày 22/10/2013 và Trần Lý Bảo N2, sinh ngày 08/05/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị

T và anh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Trần Trung N1 Trú thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Ly hôn*” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh N vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Trung Nha T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T2 và anh N thống nhất về thời gian cưới nhau, thời gian đăng ký kết hôn, sau khi cưới, anh chị sống chung với gia đình anh N tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang và thống nhất anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến thời điểm hiện tại. Nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, chị T2 thì cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng không hàn gắn được; Anh N thì cho rằng trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không nghiêm trọng, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị T2.

Xét thấy, anh N cho rằng còn thương vợ nhưng không đưa ra được phương thức hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, cho thấy anh N không có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T2 luôn kiên quyết xin được ly hôn với anh N. Nên dù có tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị thì mục đích hôn nhân giữa hai người cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T2 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T2 và anh N thống nhất khai anh chị có 02 con chung là Trần Lý Bích T1, sinh ngày 22/10/2013 và Trần Lý Bảo N2, sinh ngày 08/05/2017. Chị T2 yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không đồng ý, anh yêu cầu được nuôi cháu Trần Lý

Bảo N2, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện giao cháu Trần Lý Bích T1 cho chị T2 nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi cháu T1.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh N cũng thừa nhận cả 02 con của anh chị đều được sinh ra và lớn lên tại nhà cha mẹ của anh (ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang), đến đầu năm học 2024-2025, chị T2 xin chuyển trường cho 02 con và đưa cả 02 con về sống cùng cha mẹ chị tại tỉnh Sóc Trăng và cho nhập học tại đây, anh N không phản đối, cũng không có ý kiến gì. Hiện cháu T1 và cháu N2 đã nhập học ổn định, cuộc sống của 02 cháu cũng đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Hơn nữa, tại Bản tự khai đề ngày 15/11/2024, cháu Trần Lý Bích T1, và Trần Lý Bảo N2 đều thể hiện có nguyện vọng được sống với chị T2, nên cần tôn trọng ý kiến của các con.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị T2 là có cơ sở chấp nhận, cho nên cần giao cháu Trần Lý Bích T1 và Trần Lý Bảo N2 cho chị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T2 và anh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T2 và anh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T2 phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 92, 147, Điều 220, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Trung Nhã T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Trung Nhã T được ly hôn với anh Trần Lý N.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Lý Bích T1, sinh ngày 22/10/2013 và Trần Lý Bảo N2, sinh ngày 08/05/2017 cho chị Trần Trung N1 Trúch chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Lý N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Lý N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Trung Nhã T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 theo biên lai thu số 0007939 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong;

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thạnh Thủy;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lĩnh

